

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26 /01/2018

“ V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: ông Châu Anh Kiệt , ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 413/2017/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/ QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương T X; sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ : Thôn 3 , xã M H , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: anh Ngô X D , sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ : Thôn 3 , xã M H , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chỉ Dương T X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Ngô X D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M H , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước ngày 28/12/1993. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ 7 đến 8 năm nay, nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất việc quản lý kinh tế gia đình, anh Ngô X D đánh tôi gây tay, thời gian gần đây anh Ngô X D quản lý kinh tế gia đình sau đó lại giao lại cho tôi quản lý, anh Ngô X D nói tôi ngoại tình tư tưởng là không đúng, anh Ngô X D bắt tôi mua bán chi tiêu sinh hoạt gia đình phải ghi chép vào sổ, tôi rất khó chịu dẫn đến về tình cảm vợ chồng chúng tôi không quan tâm đến nhau , trước đây tôi đã nộp đơn xin ly hôn sau đó rút đơn, sau khi về đoàn tụ gia đình thì anh Ngô X D vẫn không thay đổi, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 3 con chung Ngô T B V, sinh năm 1996, Ngô X Đ, sinh năm 1998, cháu V và cháu Đ đã thành niên tôi không yêu cầu giải quyết.

cháu Ngô T B T, sinh ngày 05/06/ 2002, khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản : Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết:

Về nợ : Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Ngô X D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của cô X về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có hạnh phúc, sau đó có mâu thuẫn trong bản tự khai mà tôi đã trình bày. Hiện nay tôi không đồng ý ly hôn vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình.

Về con chung: có 3 con chung Ngô T B V, sinh năm 1996, Ngô X D, sinh năm 1998, cháu V và cháu Đ đã thành niên.

cháu Ngô T B T, sinh ngày 05/06/ 2002, nếu sau khi ly hôn nguyện vọng cháu T ở với ai do cháu quyết định.

Về tài sản, nợ : Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

1/ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Dương T X có đăng ký kết hôn với Ngô X D , nay chị X xin ly hôn với anh D , vì vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Dương T X và anh Ngô X D tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M H, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh và chị là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Ngô X D và chị X đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, có xảy ra bạo lực gia đình, trước đây chị X đã nộp đơn xin ly hôn sau đó rút đơn, sau khi về đoàn tụ gia đình trong thời gian ngắn thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Dương T X được ly hôn với anh Ngô X D.

4/ Về con chung : Đối với cháu Ngô T B V, sinh năm 1996, Ngô X D, sinh năm 1998, các cháu đã thành niên, không ai yêu cầu nên không xem xét.

Đối với cháu Ngô T B t, sinh ngày 05/06/ 2002, nguyện vọng cháu T ở với mẹ, vì vậy theo nguyện vọng, giao cháu Ngô T B V cho chị X chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên.

- 5/ Về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
6/ Về nợ : Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
7/ Về án phí : chị Dương T X nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Dương T X được ly hôn với anh Ngô X D .

Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 28/12/1993 do UBND xã M H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cấp hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: cháu Ngô T B V, sinh năm 1996, Ngô X D, sinh năm 1998, cháu V và cháu Đ đã thành niên , không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Giao cháu cháu Ngô T B T, sinh ngày 05/06/ 2002 cho chị Dương T X chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/Về tài sản : Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/Về nợ : Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5/ Về án phí: chị Dương T X nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021715 ngày 22/12/2017 (Đã nộp xong)

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên